TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan và bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 3 T, phường D, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Lưu Văn T1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 0 hẻm B T, phường D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà và ông Lưu Văn T1 tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/3/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Bà và ông T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay. Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giải quyết :

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Lưu Văn T1.

Về nuôi con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung là Lưu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/11/2013 và Lưu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 15/4/2016. Hiện nay cháu T2 và A đang sống với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng. Tại phiên toà bà T rút đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con để bà và ông T1 tự thoả thuận với nhau. Việc rút này là hoàn toàn tự nguyện.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lưu Văn T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lưu Văn T1; Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi cháu Lưu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/11/2013 và Lưu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 15/4/2016; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Lưu Văn T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: 0 hẻm B T, phường D, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

[2] Bị đơn ông Lưu Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[3] Tại phiên toà bà T xin rút đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc rút này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tung dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lưu Văn T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lưu Văn T1 có phát sinh mâu thuẫn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1. Ông T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T1 không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông T1 không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T và ông T1.

[5] Về việc nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lưu Văn T1 có 02 con chung là Lưu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/11/2013 và Lưu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 15/4/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu T2 và A.

Xét bà T đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu Anh T2 và Quỳnh A có nguyện vọng được sống với bà T. Do đó giao cho bà T trực tiếp nuôi con là Lưu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/11/2013 và Lưu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 15/4/2016 cho đến khi cháu T2 và Anh đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

Bà T không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Lưu Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim T ly hôn với ông Lưu Văn T1.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Lưu Nguyễn Anh T2, sinh ngày 14/11/2013 và Lưu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 15/4/2016 cho bà T trực tiếp trông nom,

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004360 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Lưu Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Loan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND Phường Phù Đổng, TP Pleiku (GCNKH số 99, ngày 10/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Loan Phương